

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 20-11- 2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tạ Duy Diên

2. Bà Trần Thị Nơi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát V.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *NguY đơn:* Chị Vũ Thị N, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1971 (*Anh V có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Hiện anh V đang chấp hành án tại phân trại số 3, Trại giam Thanh Phong, xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu V kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã B (nay là xã H), huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-12-1990. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu do anh V mắc nghiện ma túy, chị đã khuyên bảo nhiều nhưng anh V không sửa đổi dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào năm 2004, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong khoảng thời gian từ năm 2004 đến năm 2019, anh V nhiều lần bị Tòa án xét xử về tội mua bán, tàng trữ chất ma túy và phải đi chấp hành án, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về nuôi con chung: Chị và anh V có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1991, Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 và Nguyễn Bình Y, sinh ngày 03-02-2004. Hiện 02 con Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con là Nguyễn Bình Y, không yêu cầu anh V góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Chị và anh V tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27-10-2020, bị đơn anh Nguyễn Hữu V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị N kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì. Vào năm 2006, anh bị Tòa án tỉnh Thái Bình xử phạt 20 năm tù, sau đó được giảm án, tháng 4 năm 2019 anh được trở về địa phương, tháng 11 anh bị Tòa án huyện Đông Hưng xử phạt 04 năm 03 tháng tù. Từ khi anh đi chấp hành án (cả 02 lần) chị N không thăm nuôi anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng với chị N vẫn còn, anh xin được đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1991, Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 và Nguyễn Bình Y, sinh ngày 03-02-2004. Nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung là Y cho chị N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong nên không thể đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử ly hôn được nên đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, chị N và anh V đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng

theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu V; về nuôi con chung: Chị N và anh V có 03 con chung: Nguyễn Thị L, sinh năm 1991, Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 và Nguyễn Bình Y, sinh ngày 03-02-2004. Hiện 02 con Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Xử giao con Nguyễn Bình Y, sinh ngày 03-02-2004 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh V góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị N; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Hữu V, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Hiện nay anh Nguyễn Hữu V đang chấp hành án phạt tù tại Trại Giam Thanh Phong anh không thể về TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử, anh V xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình không tiến hành hòa giải vụ án án ly hôn giữa chị N và anh V được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị N kết hôn với anh Nguyễn Hữu V tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-12-1990, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V mắc phải tệ nạn xã hội, chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh V không thay đổi, vợ chồng lạnh nhạt tình cảm, không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N có đơn xin ly hôn, anh V đề nghị đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh V có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1991, Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 và Nguyễn Bình Y, sinh ngày 03-02-2004. Hiện 02 con Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Chị N và anh V đều thống nhất để chị N trực tiếp nuôi con là Nguyễn Bình Y. Vì vậy cần giao con chung Nguyễn Bình Y, sinh ngày 03-02-2004 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh V góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh V và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Hữu V.

2. *Về nuôi con chung:* Chị N và anh V có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1991, Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 và Nguyễn Bình Y, sinh ngày 03-02-2004. Hiện 02 con Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Giao con chung Nguyễn Bình Y, sinh ngày 03-02-2004 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung và nợ chung:* Không giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006105 ngày 20-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm(chị N đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Hữu V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Bích Thủy**





